

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Địa chỉ: H22 Đường Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất
Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016	09
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 - 28

178
CÔNG TY
NH
N &
ETN
10

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Địa chỉ: H22 Đường Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất

Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3600259560 ngày 03 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 05 năm 2016.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số H22, Đường Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Chi nhánh Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 14 tháng 01 năm 2016, được đặt tại Khu Công nghiệp Châu Đức, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 107.000.000.000 VND.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hồ Đức Thành	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Đình	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22/04/2016)
Ông Trương Lưu	Thành viên
Ông Thái Vũ Đoài	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Thu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22/04/2016)
Ông Phạm Đức Tùng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22/04/2016)
Ông Nguyễn Cảnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22/04/2016)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Hồ Thị Minh Tâm	Trưởng ban
Ông Vũ Trọng Dũng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22/04/2016)
Bà Lê Thanh Thúy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22/04/2016)
Ông Phan Quốc Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22/04/2016)
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22/04/2016)



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Địa chỉ: Số H22 Đường Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Đình	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22/04/2016)
Ông Hồ Đình Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Quan Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01/07/2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Địa chỉ: Số H22 Đường Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất
Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị



Hồ Đức Thành

Chủ Tịch Hội đồng quản trị

Đồng Nai, ngày 23 tháng 08 năm 2016

Số: 17.115/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các Cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2, được lập ngày 23 tháng 08 năm 2016, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2013-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 08 năm 2016

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2Địa chỉ: H22 Đường Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất
Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		636.208.882.250	670.006.868.523
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	217.814.053.975	275.944.576.392
1. Tiền	111		6.014.053.975	10.444.576.392
2. Các khoản tương đương tiền	112		211.800.000.000	265.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		45.000.000.000	35.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	(5.2)	45.000.000.000	35.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.318.406.683	55.246.045.550
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	13.382.318.768	15.610.559.272
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.136.588.080	2.713.597.960
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	9.954.383.835	37.154.575.318
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.5)	(154.884.000)	(232.687.000)
IV. Hàng tồn kho	140		347.862.701.200	299.542.520.655
1. Hàng tồn kho	141	(5.6)	347.862.701.200	299.542.520.655
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		213.720.392	4.273.725.926
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.7)	213.720.392	315.362.669
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(5.14)	-	3.958.363.257
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		379.160.888.085	394.274.915.535
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.322.594.288	14.258.631.860
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	(5.3)	2.612.604.825	1.881.498.030
2. Phải thu dài hạn khác	216	(5.4)	21.421.633.995	21.421.633.995
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(5.5)	(8.711.644.532)	(9.044.500.165)
II. Tài sản cố định	220		8.304.298.070	8.897.512.174
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.8)	8.191.603.919	8.778.332.353
Nguyên giá	222		15.331.548.522	15.327.548.522
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.139.944.603)	(6.549.216.169)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.9)	112.694.151	119.179.821
Nguyên giá	228		1.200.958.230	1.200.958.230
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.088.264.079)	(1.081.778.409)
III. Bất động sản đầu tư	230	(5.10)	91.993.294.961	95.022.520.914
Nguyên giá	231		259.429.504.417	258.575.152.301
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(167.436.209.456)	(163.552.631.387)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		105.926.741.984	113.773.181.553
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(5.11)	105.926.741.984	113.773.181.553
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	139.903.885.979	142.228.254.866
1. Đầu tư vào công ty con	251		7.448.379.668	7.448.379.668
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		83.676.726.251	83.676.726.251
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60.181.579.000	62.728.309.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.402.798.940)	(11.625.160.053)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.710.072.803	20.094.814.168
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.7)	17.710.072.803	20.094.814.168
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.015.369.770.335	1.064.281.784.058

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2Địa chỉ: H22 Đường Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất
Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		624.085.347.293	696.216.554.775
I. Nợ ngắn hạn	310		95.837.083.794	206.036.591.644
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.12)	17.496.054.485	52.530.077.771
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(5.13)	38.337.296.370	79.278.805.946
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.14)	2.285.669.303	4.958.855.512
4. Phải trả người lao động	314	(5.15)	4.210.820.130	4.861.557.001
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		521.456.264	1.255.693.875
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	(5.17)	28.736.012.699	15.943.187.486
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.16)	4.170.517.110	42.331.349.421
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.18)	79.257.433	4.877.064.632
II. Nợ dài hạn	330		528.248.263.499	490.179.963.131
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	(5.17)	528.182.263.499	490.113.963.131
2. Phải trả dài hạn khác	337		66.000.000	66.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		391.284.423.042	368.065.229.283
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.19.1)	391.284.423.042	368.065.229.283
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.19.2)	107.000.000.000	107.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		107.000.000.000	107.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69.279.269.740	69.279.269.740
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.407.670.000)	(1.407.670.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	(5.19.5)	135.870.505.079	135.870.505.079
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	(5.19.5)	16.675.061.926	16.675.061.926
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63.867.256.297	40.648.062.538
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		35.320.570.538	40.648.062.538
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.546.685.759	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.015.369.770.335	1.064.281.784.058



Hồ Đức Thành

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đồng Nai, ngày 23 tháng 08 năm 2016

Trương Lưu

Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Thu

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2Địa chỉ: H22 Đường Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất
Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		80.422.962.984	72.755.245.344
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(5.20)	80.422.962.984	72.755.245.344
4. Giá vốn hàng bán	11	(5.21)	41.982.070.206	39.347.234.106
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.440.892.778	33.408.011.238
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(5.22)	10.027.397.825	16.212.125.529
7. Chi phí tài chính	22		(222.361.113)	
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(5.23)	14.238.832.692	19.220.819.140
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.451.819.024	30.399.317.627
11. Thu nhập khác	31		554.385.785	110.400.000
12. Chi phí khác	32			2.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		554.385.785	108.400.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.006.204.809	30.507.717.627
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(5.25)	6.459.519.050	6.480.706.755
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.546.685.759	24.027.010.872



Hồ Đức Thành
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đồng Nai, ngày 23 tháng 08 năm 2016

Trương Lưu
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Thu
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2Địa chỉ: H22 Đường Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất
Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.006.204.809	30.507.717.627
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		4.480.792.173	4.387.997.092
Các khoản dự phòng	03		(633.019.746)	7.749.468.900
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.027.397.825)	(16.212.125.529)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		28.826.579.411	26.433.058.090
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		33.054.048.480	6.507.832.119
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(37.932.240.856)	(3.840.217.661)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(18.503.312.801)	54.721.105.666
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.486.383.642	(7.112.645.768)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.920.000.000)	(8.148.500.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.893.426.022)	(8.069.800.548)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.881.968.146)	60.490.831.898
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(28.385.144.777)	(17.864.836.352)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(11.200.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.716.512.000	3.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.745.483.881	6.925.975.529
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25.923.148.896)	(19.138.860.823)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.325.405.375)	(15.902.102.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.325.405.375)	(15.902.102.550)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(58.130.522.417)	25.449.868.525
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		275.944.576.392	253.279.448.498
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		217.814.053.975	278.729.317.023



Hồ Đức Thành
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đồng Nai, ngày 23 tháng 08 năm 2016

(Signature)
Trương Lưu
Kế toán trưởng

(Signature)
Trần Thị Kim Thu
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3600259560 ngày 03 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 05 năm 2016.

Ngày 24 tháng 06 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh theo Quyết định số 62/QĐ- SGDHCM ngày 24 tháng 06 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 14 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 452/TB- SGDHCM ngày 05 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 107.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp (Sonadezi)	61.740.000.000	58%	61.740.000.000	58%
Các đối tượng khác	45.260.000.000	42%	45.260.000.000	42%
Cộng	107.000.000.000	100%	107.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số H22, Đường Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Chi nhánh Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 14 tháng 01 năm 2016, được đặt tại Khu Công nghiệp Châu Đức, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 88 (31/12/2015: 85 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản, cho thuê Khu công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng cho thuê; giao dịch mua bán, chuyển nhượng, thuê, thuê mua bất động sản;
- Xây dựng công trình công ích;
- Sản xuất cấu kiện bê tông;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Sản xuất cấu kiện sắt thép
- Kinh doanh khách sạn;
- Đào tạo phổ thông;
- Định giá bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản, sàn giao dịch bất động sản;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư; xây dựng công trình công nghiệp;
- Kinh doanh nhà hàng;
- Xây dựng công trình dân dụng, nhà ở, công trình công cộng, bao che công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Đào tạo đại học;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; thiết kế các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư; giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng; thiết kế kết cấu công trình dân dụng; tư vấn đấu thầu.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

19-
TY
+
TUV
IAM
CHI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**3.3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2015.

5. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	101.294.491	40.534.256
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.912.759.484	10.404.042.136
Các khoản tương đương tiền	211.800.000.000	265.500.000.000
Cộng	<u>217.814.053.975</u>	<u>275.944.576.392</u>

Tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng, với lãi suất từ 4%/năm đến 5,5%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Địa chỉ: H22, Đường Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất
 Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, với lãi suất 4%/năm đến 5,5%/năm.

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016				Tại ngày 01/01/2016			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng cổ phần	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:								
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 Đồng Nai	1.032.750	7.448.379.668	-	7.448.379.668	1.032.750	7.448.379.668	-	7.448.379.668
Cộng	1.032.750	7.448.379.668	-	7.448.379.668	1.032.750	7.448.379.668	-	7.448.379.668
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:								
Công ty TNHH Berjaya D2D	-	83.676.726.251	6.864.284.775	76.812.441.476	-	83.676.726.251	6.571.210.465	77.105.515.786
Cộng	-	83.676.726.251	6.864.284.775	76.812.441.476	-	83.676.726.251	6.571.210.465	77.105.515.786
Đầu tư vào đơn vị khác:								
Công ty Cổ phần Cấu Kiện Bê Tông Nhơn Trạch 2	1.800.000	11.250.000.000	4.538.514.165	6.711.485.835	1.800.000	11.250.000.000	5.053.949.588	6.196.050.412
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	250.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Địa Ốc Thảo Điền	368.302	10.000.000.000	-	10.000.000.000	368.302	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM	2.407.680	25.231.579.000	-	25.231.579.000	2.407.680	25.231.579.000	-	25.231.579.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc lộ 91 Cần Thơ	1.120.000	11.200.000.000	-	11.200.000.000	1.120.000	11.200.000.000	-	11.200.000.000
Công ty Cổ phần XD Công trình Giao thông 610	-	-	-	-	169.782	2.546.730.000	-	2.546.730.000
Cộng	5.938.726	60.181.579.000	4.538.514.165	55.643.064.835	6.108.508	62.728.309.000	5.053.949.588	57.674.359.412

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000065 ngày 19 tháng 9 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 Đồng Nai với giá trị ghi sổ là 7.448.379.668 đồng, tương đương 51% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 471023000108 ngày 22 tháng 4 năm 2008 do Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Berjaya D2D với giá trị ghi sổ là 83.676.726.251 đồng, tương đương 25% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000316 ngày 19 tháng 05 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấu Kện Bê Tông Nhơn Trạch 2 với giá trị ghi sổ là 11.250.000.000 đồng, tương đương 15,79% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000382 ngày 15 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi với giá trị ghi sổ là 2.500.000.000 đồng, tương đương 5% vốn điều lệ.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302441032 ngày 12 tháng 10 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Địa Ốc Thảo Điền với giá trị ghi sổ là 10.000.000.000 đồng, tương đương 1,2% vốn điều lệ.

5.3. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Công ty TNHH Hualon Corporation Việt Nam	5.654.419.502	4.244.859.465
Phải thu KH tiền bán nhà & đất lô E đường A6	1.500.000.000	2.073.000.000
Phải thu các khách hàng mua nhà, đất chợ Quần Thủ - Long Thành	1.878.073.000	5.422.000.000
Các khách hàng khác	4.349.826.266	3.870.699.807
Cộng	13.382.318.768	15.610.559.272
Phải thu của khách hàng dài hạn:		
Công ty Cổ phần Cấu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2	2.062.529.325	1.331.422.530
Các khách hàng khác	550.075.500	550.075.500
Cộng	2.612.604.825	1.881.498.030
Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 5.26		
Công ty Cổ phần Cấu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2	2.062.529.325	1.331.422.530
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	536.250.000	-
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	27.775.521	-
Cộng	2.626.554.846	1.331.422.530

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.4. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp tiền chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức - Xem thêm mục 5.26	-	-	28.000.000.000	-
Phải thu tiền tạm ứng tiền hỗ trợ di dời, đền bù giải tỏa	7.393.665.800	-	7.311.835.800	-
Phải thu khác	2.560.718.035	13.354.000	1.842.739.518	91.387.000
Cộng	9.954.383.835	13.354.000	37.154.575.318	91.387.000
Dài hạn:				
Phải thu UBND huyện Long Thành tiền tạm ứng tiền hỗ trợ di dời, đền bù giải tỏa	12.524.960.595	-	12.524.960.595	-
Phải thu lãi cho vay - Công ty Cổ phần Cầu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2	6.226.773.400	6.226.773.400	6.226.773.400	6.226.773.400
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	2.669.900.000	1.601.940.000	2.669.900.000	1.601.940.000
Cộng	21.421.633.995	7.828.713.400	21.421.633.995	7.828.713.400

5.5. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu đã quá hạn và khó có khả năng thu hồi	10.840.605.165	1.974.076.633	11.617.349.430	2.340.162.265
Cộng	10.840.605.165	1.974.076.633	11.617.349.430	2.340.162.265

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Địa chỉ: H22, Đường Võ Thị Sáu, P. Thống Nhất

Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Cầu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2	6.226.773.400	-	Trên 3 năm	6.226.773.400	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Cầu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2	665.711.265	332.855.633	Từ 1 - 2 năm	1.331.422.530	665.711.265	Từ 1 - 2 năm
Ông Nguyễn Văn Tuấn	1.334.950.000	400.485.000	Trên 3 năm	1.334.950.000	400.485.000	Từ 2 - 3 năm
Ông Nguyễn Văn Tuấn	1.334.950.000	667.475.000	Từ 2 - 3 năm	1.334.950.000	667.475.000	Từ 1 - 2 năm
Các khách hàng khác	1.278.220.500	573.261.000		1.389.253.500	606.491.000	
Cộng	10.840.605.165	1.974.076.633		11.617.349.430	2.340.162.265	

5.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	334.640.205.545	-	269.643.349.582	-
<i>Dự án Khu dân cư đường Võ Thị Sáu - Giai đoạn 1</i>	960.664.853	-	1.634.434.253	-
<i>Dự án Khu dân cư phường Thống Nhất - Giai đoạn 2</i>	247.169.330.825	-	183.214.578.281	-
<i>Dự án Khu dân cư xã Lộc An, huyện Long Thành</i>	86.510.209.867	-	84.794.337.048	-
Thành phẩm bất động sản	13.222.495.655	-	29.899.171.073	-
Cộng	347.862.701.200	-	299.542.520.655	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	148.651.430	120.155.782
Chi phí quảng cáo, chi phí khác	65.068.962	195.206.887
Cộng	<u>213.720.392</u>	<u>315.362.669</u>
Dài hạn		
Chi phí đền bù, hỗ trợ chi phí đầu tư hạ tầng từ việc thu hồi đất cho thuê	17.626.472.803	20.063.064.672
Chi phí chờ kết chuyển khác	83.600.000	31.749.496
Cộng	<u>17.710.072.803</u>	<u>20.094.814.168</u>

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	1.000 VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2016	8.275.584	321.147	6.312.537	380.281	38.000	15.327.549
Mua trong kỳ	4.000	-	-	-	-	4.000
Tại ngày 30/06/2016	<u>8.279.584</u>	<u>321.147</u>	<u>6.312.537</u>	<u>380.281</u>	<u>38.000</u>	<u>15.331.549</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2016	3.107.394	208.855	2.982.912	223.455	26.600	6.549.216
Khấu hao trong kỳ	268.954	9.625	289.556	20.694	1.900	590.729
Tại ngày 30/06/2016	<u>3.376.348</u>	<u>218.480</u>	<u>3.272.468</u>	<u>244.149</u>	<u>28.500</u>	<u>7.139.945</u>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2016	5.168.190	112.292	3.329.625	156.826	11.400	8.778.333
Tại ngày 30/06/2016	<u>4.903.236</u>	<u>102.667</u>	<u>3.040.069</u>	<u>136.132</u>	<u>9.500</u>	<u>8.191.604</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.131.769 ngàn đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục				1.000 VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý		Tổng cộng
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2016	1.170.958	30.000		1.200.958
Tại ngày 30/06/2016	<u>1.170.958</u>	<u>30.000</u>		<u>1.200.958</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2016	1.072.778	9.000		1.081.778
Khấu hao trong kỳ	3.486	3.000		6.486
Tại ngày 30/06/2016	<u>1.076.264</u>	<u>12.000</u>		<u>1.088.264</u>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2016	98.180	21.000		119.180
Tại ngày 30/06/2016	<u>94.694</u>	<u>18.000</u>		<u>112.694</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.015.265 ngàn đồng.

5.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục						1.000 VND
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2016	56.535.113	166.940.491	3.478.149	28.026.074	3.595.325	258.575.152
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	770.872	-	85.145	-	856.017
Giảm khác	-	-	-	(1.665)	-	(1.665)
Tại ngày 30/06/2016	<u>56.535.113</u>	<u>167.711.363</u>	<u>3.478.149</u>	<u>28.109.554</u>	<u>3.595.325</u>	<u>259.429.504</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2016	51.432.214	84.018.075	2.235.698	22.546.139	3.320.505	163.552.631
Khấu hao trong kỳ	60.748	2.794.699	234.383	754.748	39.000	3.883.578
Tại ngày 30/06/2016	<u>51.492.962</u>	<u>86.812.774</u>	<u>2.470.081</u>	<u>23.300.887</u>	<u>3.359.505</u>	<u>167.436.209</u>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2016	5.102.899	82.922.416	1.242.451	5.479.935	274.820	95.022.521
Tại ngày 30/06/2016	<u>5.042.151</u>	<u>80.898.589</u>	<u>1.008.068</u>	<u>4.808.667</u>	<u>235.820</u>	<u>91.993.295</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 126.331.829 ngàn đồng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Nguyên nhân: Giá trị còn lại của các bất động sản đầu tư này là công trình xây dựng trên đất nên Hội đồng quản trị Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư không có chênh lệch trọng yếu so với giá trị còn lại trên sổ kế toán tại kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016.

5.11. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang:	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Dự án Khu phố chợ và chợ mới Quận Thủ Đức	43.528.102.894	53.436.368.826
Dự án KCN Nhơn Trạch 2 - nhà máy Xử lý nước thải	638.984.545	181.612.727
Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Châu Đức (*)	61.759.654.545	60.155.200.000
Cộng	105.926.741.984	113.773.181.553

(*) Là giá trị tiền thuê 13,1 ha đất tại Khu Công Nghiệp Châu Đức trong vòng 50 năm với mục đích đầu tư xây dựng nhà xưởng và cho doanh nghiệp khác thuê lại.

5.12. Phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn:	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	15.560.337.361	15.560.337.361	50.188.377.361	50.188.377.361
Các khoản phải trả người bán khác	1.935.717.124	1.935.717.124	2.341.700.410	2.341.700.410
Cộng	17.496.054.485	17.496.054.485	52.530.077.771	52.530.077.771

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 5.26

Công ty TNHH Phúc Hiếu	1.195.309.800	1.195.309.800	1.350.824.178	1.350.824.178
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	15.560.337.361	15.560.337.361	50.188.377.361	50.188.377.361
Công ty Cổ phần Cầu kiện Bê tông Nhơn Trạch 2	27.429.250	27.429.250	27.429.250	27.429.250
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây Dựng Gia Hiếu	145.149.000	145.149.000	88.439.000	88.439.000
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	-	-	5.374.000	5.374.000
Cộng	16.928.225.411	16.928.225.411	51.660.443.789	51.660.443.789

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.13. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Khách hàng trả trước tiền mua nhà mặt tiền chợ Quản Thủ, huyện Long Thành	20.248.664.010	51.416.292.865
Khách hàng trả trước tiền chuyển QSD đất Khu phố chợ Quản Thủ, huyện Long Thành	11.844.345.527	16.871.865.405
Khách hàng trả trước tiền chuyển QSD đất Khu dân cư Võ Thị Sáu	2.283.510.215	4.226.058.522
Khách hàng trả trước tiền mua nhà Khu dân cư Võ Thị Sáu	2.966.293.053	6.246.256.690
Khác	994.483.565	518.332.464
Cộng	38.337.296.370	79.278.805.946

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	-	8.419.391.080	8.240.226.749	179.164.331
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.776.429.829	6.168.737.257	8.920.000.000	2.025.167.086
Thuế thu nhập cá nhân	182.425.683	957.318.977	1.083.815.968	55.928.692
Tiền thuê đất	-	55.380.561.694	55.355.152.500	25.409.194
Khác	-	60.913.661	60.913.661	-
Cộng	4.958.855.512	70.986.922.669	73.660.108.878	2.285.669.303
	Tại ngày 01/01/2016	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ	Thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ	Tại ngày 30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
Phải thu:				
Thuế giá trị gia tăng	3.958.363.257	2.172.458.679	6.130.821.936	-
Cộng	3.958.363.257	2.172.458.679	6.130.821.936	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.15. Phải trả người lao động

Là quỹ lương 6 tháng đầu năm 2016 còn phải trả cho người lao động.

5.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.051.787.702	3.719.691.702
Cổ tức phải trả	289.383.800	21.507.852.500
+ Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp - Xem thêm mục 5.26	-	12.348.000.000
+ Các cổ đông khác	289.383.800	9.159.852.500
Khách hàng tạm ứng tiền thuê đất Khu Công Nghiệp	-	14.217.682.000
Thuế trước bạ chuyển nhượng nhà và quyền sử dụng đất đường Võ Thị Sáu	2.386.753.786	2.837.653.529
Các khoản phải trả, phải nộp khác	442.591.822	48.469.690
Cộng	<u>4.170.517.110</u>	<u>42.331.349.421</u>

5.17. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Doanh thu cho thuê Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2	26.754.248.535	14.055.511.915
Doanh thu cho thuê chợ Quán Thủ, huyện Long Thành	1.981.764.164	1.887.675.571
Cộng	<u>28.736.012.699</u>	<u>15.943.187.486</u>
Dài hạn:		
Doanh thu cho thuê Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2	487.798.779.531	449.776.381.266
Doanh thu cho thuê chợ Quán Thủ, huyện Long Thành	40.383.483.968	40.337.581.865
Cộng	<u>528.182.263.499</u>	<u>490.113.963.131</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	4.877.064.632	6.976.414.138
Tăng khác	95.618.823	282.811.599
Chi quỹ trong kỳ	(4.893.426.022)	(8.352.612.147)
Số dư cuối kỳ	<u>79.257.433</u>	<u>(1.093.386.410)</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2Địa chỉ: Số H22 Đường Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất
Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.19. Vốn chủ sở hữu****5.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	107.000.000.000	69.279.269.740	(1.407.670.000)	127.486.099.079	13.880.259.926	31.453.098.841	347.691.057.586
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	24.027.010.872	24.027.010.872
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.327.492.000)	(5.327.492.000)
Số dư tại ngày 30/06/2015	107.000.000.000	69.279.269.740	(1.407.670.000)	127.486.099.079	13.880.259.926	50.152.617.713	366.390.576.458
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	31.869.026.825	31.869.026.825
Tạm ứng cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	(21.309.968.000)	(21.309.968.000)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	-	8.384.406.000	2.794.802.000	(11.179.208.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.884.406.000)	(8.884.406.000)
Số dư tại ngày 01/01/2016	107.000.000.000	69.279.269.740	(1.407.670.000)	135.870.505.079	16.675.061.926	40.648.062.538	368.065.229.283
Lãi trong 06 tháng đầu năm	-	-	-	-	-	28.546.685.759	28.546.685.759
Trích cổ tức theo NQ ĐHĐCĐ năm 2016	-	-	-	-	-	(5.327.492.000)	(5.327.492.000)
Số dư tại ngày 30/06/2016	107.000.000.000	69.279.269.740	(1.407.670.000)	135.870.505.079	16.675.061.926	63.867.256.297	391.284.423.042

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2Địa chỉ: Số H22 Đường Võ Thị Sáu, Phường
Thống Nhất, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn nhà nước - Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	61.740.000.000	61.740.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	45.260.000.000	45.260.000.000
Cộng	<u>107.000.000.000</u>	<u>107.000.000.000</u>

5.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.700.000	10.700.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	10.700.000	10.700.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	45.016	45.016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.654.984	10.654.984
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.		

5.19.4. Cổ tức đã trả

	Kỳ này	Kỳ trước
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	26.325.405.375	15.902.102.550

5.19.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2016	135.870.505.079	16.675.061.926
Tại ngày 30/06/2016	<u>135.870.505.079</u>	<u>16.675.061.926</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Địa chỉ: Số H22 Đường Võ Thị Sáu, Phường

Thống Nhất, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****5.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	45.609.115.171	40.088.546.768
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê đất và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp	30.265.288.350	28.427.844.179
Doanh thu cho thuê Ki-ốt, sạp chợ Long Thành	4.548.559.463	4.238.854.397
Cộng	80.422.962.984	72.755.245.344

5.21. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	27.558.931.687	27.192.566.089
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê đất và cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp	9.540.118.219	7.749.054.644
Giá vốn hoạt động cho thuê ki-ốt, sạp chợ Long Thành	4.883.020.300	4.405.613.373
Cộng	41.982.070.206	39.347.234.106

5.22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi bán khoản đầu tư	169.782.000	9.034.200.000
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	6.974.403.165	6.078.773.880
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.883.212.660	1.099.151.649
Cộng	10.027.397.825	16.212.125.529

5.23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.519.020.189	5.053.573.952
Chi phí dự phòng	(371.625.633)	7.749.468.900
Chi phí quảng cáo	620.118.181	2.700.909.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.159.701.653	1.893.051.561
Chi phí quản lý khác	2.311.618.302	1.823.815.639
Cộng	14.238.832.692	19.220.819.140

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Địa chỉ: Số H22 Đường Võ Thị Sáu, Phường

Thống Nhất, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

5.24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	220.522.449	238.047.792
Chi phí nhân công	11.520.072.414	5.892.571.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.480.792.173	4.387.997.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.173.153.785	9.539.265.251
Chi phí bằng tiền khác	94.496.987.440	74.099.838.363
Cộng	121.891.528.261	94.157.720.450

5.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	35.006.204.809	30.507.717.627
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	174.603.104	49.192.000
Trừ cổ tức và lợi nhuận được chia	(2.883.212.660)	(1.099.151.649)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	32.297.595.253	29.457.757.978
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	6.459.519.050	6.480.706.755

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách, chi phí phạt vi phạm hành chính, cổ tức nhận được.

5.26. Thông tin về các bên có liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 Đồng Nai	Công ty con
3. Công ty TNHH Berjaya D2D	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Phúc Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Địa chỉ: Số H22 Đường Võ Thị Sáu, Phường
Thống Nhất, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- | | |
|--|--|
| 5. Các công ty con, liên kết của Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp | Công ty cùng tập đoàn |
| 6. Công ty Cổ phần Cấu kiện Bê tông Nhựa Trạch 2 | Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty này |
| 7. Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây Dựng Gia Hiếu | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là Giám Đốc Công ty này |
| 8. Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc và Xây dựng DTC | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty này |
| 9. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Phải thu - Xem thêm mục 5.3 và 5.4		
Công ty mẹ	-	28.000.000.000
Công ty được kiểm soát bởi các thành viên quản lý chủ chốt	2.062.529.325	1.331.422.530
Công ty cùng tập đoàn	564.025.521	-
Cộng	2.626.554.846	29.331.422.530
	Tại ngày 30/06/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Phải trả - Xem thêm mục 5.12 và 5.16		
Công ty mẹ	-	(12.348.000.000)
Công ty được kiểm soát bởi các thành viên quản lý chủ chốt	(1.367.888.050)	(1.466.692.428)
Công ty cùng tập đoàn	(15.560.337.361)	(50.193.751.361)
Cộng	(16.928.225.411)	(64.008.443.789)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP SỐ 2

Địa chỉ: Số H22 Đường Võ Thị Sáu, Phường
Thống Nhất, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Mua, bán hàng hóa, dịch vụ		
Công ty được kiểm soát bởi các thành viên quản lý chủ chốt	5.085.235.509	3.277.154.545
Công ty con	-	(34.670.510)
Công ty cùng tập đoàn	2.776.476.310	1.024.224.478

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	183.560.000	72.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	2.834.960.740	2.208.258.810
Cộng	3.018.520.740	2.280.258.810

6. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

7. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 23 tháng 08 năm 2016.



Hồ Đức Thành
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đồng Nai, ngày 23 tháng 08 năm 2016

Trương Lưu
Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Thu
Người lập